

XÂY DỰNG TRƯỜNG TỪ VỰNG CHỈ CẢM XÚC DẠNG HỌC LIỆU SỐ HỖ TRỢ DẠY HỌC VIẾT VĂN MIÊU TẢ CHO HỌC SINH LỚP BỐN, LỚP NĂM

Nguyễn Thị Xuân Yến,
Nguyễn Hoàng Bách Phương⁺,
Nguyễn Thị Ngọc Sáng,
Trương Mai Ngọc Quý

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
+ Tác giả liên hệ • Email: 4701901220@student.hcmue.edu.vn

Article history

Received: 18/3/2025

Accepted: 09/4/2025

Published: 05/6/2025

Keywords

Vocabulary field, emotions,
descriptive writing, digital
learning materials,
elementary school students

ABSTRACT

Descriptive writing refers to the use of linguistic or artistic means to help clearly visualize objects, events or the inner world. It is observed in current teaching practice that many students have difficulty in descriptive writing due to the lack of life experiences, limited vocabulary, especially the lack of organizational skills and lexical organising systems when writing. Additionally, many teachers fail to assist their students in enriching their vocabulary, including emotional vocabulary. Based on the theoretical basis and the results of a survey on the current situation of teaching descriptive writing with emotion-related vocabulary in some primary schools in Ho Chi Minh City, the article proposes principles and a procedure to develop a set of digital learning materials on emotion-related vocabulary to support teachers and students in teaching descriptive writing in primary schools. Ultimately, the research aims to provide teachers with knowledge and skills of designing and using digital learning materials in teaching Vietnamese in particular as well as other subjects, contributing to improving the quality of digital transformation in teaching and education.

1. Mở đầu

Trong 4 kỹ năng giao tiếp *đọc, viết, nói* và *nghe* mà môn Tiếng Việt hình thành, phát triển cho HS tiểu học thì kỹ năng viết (viết văn bản) được xem là kỹ năng tổng hợp, không chỉ giúp HS phát triển ngôn ngữ mà còn giúp các em phát triển tư duy sáng tạo, bày tỏ cảm xúc... Vì vậy, mỗi sản phẩm của kỹ năng viết, đặc biệt là văn bản văn học với tính liên cá nhân cao phải mang tính cá nhân cao. Khi làm văn miêu tả (VMT) thì yêu cầu này cần được chú trọng vì VMT là một thể loại của văn bản văn học, giúp tái hiện các đặc điểm nổi bật của sự vật, sự việc, con người, phong cảnh bằng ngôn ngữ giàu cảm xúc và mang tính cá nhân của người viết. HS viết VMT không chỉ được bồi dưỡng khả năng quan sát và tư duy sáng tạo mà còn được phát triển tình cảm, trách nhiệm đối với cuộc sống xung quanh (Trần Thị Hiền Lương và cộng sự, 2023). Tuy nhiên, thực tế dạy học hiện nay cho thấy, nhiều HS gặp khó khăn trong việc viết VMT. Bài viết của các em thường giống nhau, ít có màu sắc cá nhân, đặc biệt là không thể hiện được cảm xúc. Các em thường mô tả sự vật, sự việc, con người, phong cảnh một cách máy móc, trần trụi, từ đó bài văn thiếu chiều sâu do thiếu cảm xúc, suy nghĩ, cách nhìn mang tính cá nhân. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do vốn sống của các em chưa nhiều, vốn từ còn hạn chế, đặc biệt là thiếu kỹ năng tổ chức, hệ thống từ ngữ khi viết. Cùng với đó, nhiều GV chưa chú trọng đến việc giúp HS làm giàu vốn từ, trong đó có vốn từ chỉ cảm xúc, mà chỉ tập trung vào việc mô tả sự vật, sự việc. Điều này khiến cho bài VMT trở nên khô khan và thiếu sinh động (Nguyễn Thị Xuân Yến và Nguyễn Ngọc Diệu Hiền, 2022).

Xây dựng được trường từ vựng (TTV) chỉ cảm xúc là một trong những biện pháp để giải quyết thực trạng trên. TTV chỉ cảm xúc sẽ cung cấp cho HS vốn từ chỉ cảm xúc, giúp các em biết cách sử dụng từ ngữ phù hợp, biết dùng từ ngữ để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ, cách nhìn của mình đối với đối tượng miêu tả. Có như vậy mới góp phần làm cho bài văn có tính sáng tạo, có màu sắc cá nhân và quan trọng hơn là làm cho HS thích viết văn nói chung, thích viết VMT nói riêng vì khi viết, các em có điều kiện bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, quan điểm của chính mình. TTV chỉ cảm xúc thiết kế dưới dạng một bộ học liệu số có thể hỗ trợ hiệu quả quá trình hình thành và rèn luyện kỹ năng viết VMT trong dạy học môn TV cho HS. Với góc nhìn học tập mở, học tập kết nối, với ưu điểm về hình ảnh, âm thanh và khả năng tương tác, bộ học liệu số sẽ làm cho bài học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, giúp HS dễ dàng tiếp thu và phát triển kỹ năng viết.

Bài báo này đề xuất phương pháp xây dựng TTV chỉ cảm xúc dưới dạng học liệu số nhằm hỗ trợ dạy học viết VMT cho HS lớp 4, 5, qua đó giúp các em mở rộng và hệ thống hóa vốn từ ngữ chỉ cảm xúc, hiểu rõ ý nghĩa và cách sử dụng để tạo nên những câu văn giàu cảm xúc, khắc phục khó khăn trong việc thể hiện cảm xúc trong bài VMT, đồng thời cung cấp cho GV nguồn học liệu phong phú để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Khái niệm “trường từ vựng” và “trường từ vựng chỉ cảm xúc”

Đỗ Hữu Châu (2005) khẳng định rằng TTV là hệ thống các từ được liên kết bởi một nét nghĩa chung. Ngô Minh Nguyệt (2021) cho rằng các từ trong TTV có sự kết nối chặt chẽ, tạo thành một chỉnh thể ngữ nghĩa. Vì vậy, TTV là hệ thống các từ có liên kết về mặt ngữ nghĩa xoay quanh một chủ đề hoặc lĩnh vực nhất định. Theo Hoàng Phê (2003), “cảm xúc” là rung động trong lòng do tiếp xúc với sự việc. Vũ Dũng (2008) cho rằng cảm xúc là sự phản ánh tâm lý về các hiện tượng, hoàn cảnh. Trong lý thuyết tâm lý học, các nhà nghiên cứu như Lange (1885) đưa ra các lý thuyết về sự hình thành cảm xúc từ phản ứng cơ thể và nhận thức. Từ mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, chúng tôi cho rằng *TTV chỉ cảm xúc là một tập hợp các từ hoặc cụm từ có liên kết với nhau trong một hệ thống ngữ nghĩa về cảm xúc dùng để miêu tả cảm xúc của sự vật, hiện tượng, thể hiện qua màu sắc, hình dạng, kích thước và cảm xúc của người nói hoặc người viết.*

2.1.2. Văn miêu tả và chương trình dạy học văn miêu tả ở lớp Bốn, lớp Năm

Theo Hoàng Phê và cộng sự (2006), VMT là việc sử dụng ngôn ngữ hoặc phương tiện nghệ thuật để giúp hình dung rõ ràng sự vật, sự việc hoặc thế giới nội tâm. Theo Nguyễn Thị Ly Kha và Nguyễn Hải Lê (2018), miêu tả giúp người nghe hình dung đầy đủ về đối tượng, cho phép hình dung một cách minh bạch. Để đạt được điều này, Lê Phương Nga (2013) nhấn mạnh VMT không chỉ phản ánh đặc điểm của đối tượng mà còn truyền tải cảm xúc và trí tưởng tượng của người viết. Vì vậy, VMT sẽ giúp người đọc hình dung cụ thể các sự vật, hiện tượng, đồng thời truyền tải cảm xúc và thông điệp mà người viết muốn gửi gắm.

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) môn Ngữ văn 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018) đã đề cập một cách cụ thể yêu cầu cần đạt của viết VMT ở lớp Bốn, Năm. Cụ thể, ở lớp Bốn, HS cần hiểu biết cơ bản về VMT như nhận biết và áp dụng đặc điểm và tính chất của đối tượng được miêu tả; ở lớp Năm, yêu cầu HS có khả năng phân tích và hiểu sâu về VMT, bao gồm nhận diện các yếu tố cấu thành của văn bản miêu tả như mục đích và phương pháp. Đặc biệt, HS cần đảm bảo VMT không chỉ rõ ràng mà còn tạo ấn tượng sâu sắc và truyền đạt cảm xúc mạnh mẽ tới người đọc.

2.1.3. Đặc điểm tư duy, ngôn ngữ và cảm xúc của học sinh lớp Bốn, lớp Năm

Đặc điểm tư duy của HS lớp Bốn, Năm thể hiện qua các thao tác tư duy như phân tích và tổng hợp, so sánh, trừu tượng hoá và khái quát hoá, phán đoán và suy luận (Võ Sỹ Lợi, 2014). Cùng với đó, HS không chỉ phân tích đối tượng độc lập mà các thao tác tư duy cũng có tính thuyết phục hơn khi các em biết dựa vào bản chất để phân tích, giúp trẻ suy luận và nhận thức khách quan hơn (Huỳnh Thị Hoàng Oanh, 2013).

Ngôn ngữ rất quan trọng trong phát triển nhận thức của trẻ, hỗ trợ cảm giác, tri giác, tư duy và tưởng tượng. Ở giai đoạn trẻ từ 5 đến 11 tuổi, vốn ngôn từ liên tục mở rộng và mỗi năm có thể tiếp nhận thêm 5.000 từ ngữ (Berger, 1986). Ngôn ngữ của HSTH đã dần phát triển và vốn từ được tích lũy phong phú hơn. Ngôn ngữ viết dù được trau dồi mạnh mẽ nhưng vẫn hạn chế hơn so với ngôn ngữ nói (Huỳnh Thị Hoàng Oanh, 2013). Cụ thể là, ở lớp Bốn, HS đã biết dựa vào ngôn ngữ để xây dựng hình tượng mang tính khái quát và trừu tượng cao (Nguyễn Thị Hiên và Trần Thị Hải Thu, 2019). Đến lớp 5, vốn từ của HS có thể tăng lên 30.000 từ, có thể sử dụng nhiều cấu trúc phức tạp và việc hiểu nghĩa từ cũng phát triển mạnh (Hoàng Thị Tuyết, 2016).

Đặc điểm cảm xúc ở HS lớp Bốn, Năm đang phát triển theo hướng tích cực với đời sống cảm xúc đa dạng và phong phú. Các em khám phá nhiều cung bậc cảm xúc mới của bản thân. So với giai đoạn đầu, các em đã biết tự giác và kiểm soát được cảm xúc, dần trở nên bền vững và ổn định hơn (Lê Ngọc Bảo Trâm, 2011).

2.1.4. Học liệu số và phần mềm xây dựng website của bộ học liệu số

Thuật ngữ “học liệu số” hay “học liệu điện tử” được giải thích là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, gồm: giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra, đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác” (Bộ GD-ĐT, 2017).

Trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ, việc ứng dụng công nghệ thông tin được quan tâm đặc biệt trong dạy học, giáo dục. Vì vậy, học liệu số được sử dụng rộng rãi trong nhà trường và khi được sử dụng hợp lý sẽ phát huy tối đa, hỗ trợ GV thiết kế các hoạt động học tập phù hợp với sự đa dạng về phong cách học của HS (Valley,

1997). Nghiên cứu này xây dựng một trang web chứa hệ thống TTV chỉ cảm xúc hỗ trợ trong dạy học viết VMT ở lớp Bốn, Năm.

Để xây dựng, thiết kế TTV chỉ cảm xúc dạng học liệu số, nhóm nghiên cứu đã kết hợp rất nhiều phương tiện hỗ trợ. Trong đó, phải kể đến công cụ thiết kế Canva để hỗ trợ về mặt hình ảnh, âm thanh và đồ họa. Ngoài ra, nhóm đã thực hiện trên ứng dụng Book Creator. Đây là ứng dụng tạo ra những cuốn sách điện tử với giao diện thân thiện, dễ sử dụng và cho phép chia sẻ thư viện. Nhờ đó mà sản phẩm có thể kết hợp đa phương tiện (văn bản, hình ảnh, âm thanh).

2.2. Thực tiễn dạy học viết văn miêu tả với việc sử dụng trường từ vựng chỉ cảm xúc

Để có cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng, thiết kế TTV chỉ cảm xúc dạng học liệu số, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát với 10 GV và 188 HS lớp Bốn, Năm ở hai trường tiểu học trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh (Trường Tiểu học BTĐ, quận Thủ Đức và Trường Tiểu học NBK, Quận 1) về thực trạng của việc thể hiện cảm xúc vào bài VMT vào tháng 10/2024.

(1) *Đối với HS*: Nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát các nội dung: (1) Nhận thức về từ vựng chỉ cảm xúc; (2) Nhận thức về cảm xúc trong viết VMT; (3) Kỹ năng sử dụng cảm xúc trong viết VMT. Bằng các phương pháp nghiên cứu như thống kê, phân tích, đối chiếu..., chúng tôi thu được kết quả như sau:

Về đề bài VMT: đa số HS đều lựa chọn đề bài có yêu cầu đối tượng miêu tả (45,7%) và đề bài có mục đích miêu tả (19,3%) còn các đề bài có chứa cảm xúc được lựa chọn khá thấp (20,3%).

Về nhận diện cảm xúc qua trực quan bức tranh: HS bị thu hút bởi màu sắc của hoa và quả chiếm tỉ lệ khá cao (72,4%), tiếp đến là hình dáng khái quát của đối tượng (50,6%). Bên cạnh đó, HS lựa chọn cảm xúc bất ngờ và vui mừng chiếm tỉ lệ khá cao với 48% và 38,8%. Từ đó, tỉ lệ chọn câu VMT có sự thống nhất với cảm xúc đã chọn chỉ chiếm 31,4%. Nhìn chung, HS có ấn tượng cảm xúc sâu sắc với đối tượng miêu tả nhưng, diễn đạt còn nhiều hạn chế và thiếu sự nhất quán trong cách thể hiện.

Về quy trình viết: HS ít lựa chọn các cách mở bài có lồng ghép cảm xúc vào dù là cách gián tiếp (42%) hay trực tiếp (12,8%). Đồng thời, kết bài mở chưa lồng ghép cảm xúc chiếm tỉ lệ tương đối với 38,8%, chênh lệch khá nhiều so với kết bài mở có cảm xúc (22,3%). Bên cạnh đó, chỉ có 52,7% HS lựa chọn đoạn văn có cảm xúc thống nhất, cùng miêu tả một đối tượng.

Về nhận thức: đa số HS đã xác định được từ chỉ cảm xúc ở mức cơ bản. Tuy nhiên, tỉ lệ xác định chính xác tất cả các từ chỉ cảm xúc có trong đoạn là khá hạn chế (9,5%). Song song với đó, việc lựa chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống, tỉ lệ lựa chọn nhiều nhất là xác định đúng từ cho ngữ cảnh và mức độ thể hiện cảm xúc mạnh là 48,9%. Qua đó, đa số HS đã nhận diện đúng đối với những từ quen thuộc, song HS vẫn gặp khó khăn đối với những từ lạ, phân biệt với các loại từ khác, hoặc chưa hiểu rõ sắc thái biểu đạt của từng từ.

(2) *Đối với GV*: nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát 10 GV với các nội dung: (1) Nhận thức về TTV chỉ cảm xúc; (2) Kỹ năng dạy học và sử dụng các công cụ hỗ trợ dạy học viết VMT; (3) Hiệu quả và tiềm năng của TTV chỉ cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết VMT cho HS lớp Bốn, Năm. Kết quả khảo sát cho thấy:

Về nhận thức, đa số GV chưa thực sự nắm được khái niệm của TTV chỉ cảm xúc. Hầu hết các thầy, cô đều cho rằng TTV chỉ cảm xúc chỉ là tập hợp các từ có trong cấu tạo về cảm xúc (100%) hoặc trong một ngôn ngữ nói về cảm xúc (80%). Tuy nhiên, vẫn còn một vài GV nghĩ rằng công cụ này chỉ sử dụng để biết thêm từ vựng (30%). Quá trình khảo sát cho thấy việc HS viết văn thiếu cảm xúc phần lớn đến từ việc HS thiếu tự tin khi bộc lộ cảm xúc (90%), thiếu trải nghiệm thực tế (70%) và hạn chế về vốn từ vựng (60%).

Về kỹ năng: dạy học và sử dụng các công cụ hỗ trợ rất đa dạng. Trong đó, hình ảnh/video (90%) và sơ đồ tư duy (90%) chiếm ưu thế, nhưng từ điển (30%) và văn mẫu (40%) ít được sử dụng. Việc tổ chức lớp học theo hình thức cá nhân (90%), nhóm (90%) và cả lớp (80%) cho thấy sự linh hoạt. Ngoài ra, thời điểm sử dụng công cụ này phù hợp nhất là khi hướng dẫn HS quan sát, tìm ý và lập dàn ý (70%).

Về hiệu quả và tiềm năng: có hơn 90% GV cho rằng những yếu tố không thể thiếu bao gồm: hệ thống hóa TTV chỉ cảm xúc, nghĩa của từ, hình ảnh/video minh họa. Ngoài ra, trên 50% GV cũng chỉ ra rằng câu ví dụ mẫu cũng tương đối cần thiết và nên được bổ sung vào học liệu này. Một số ít GV cũng cân nhắc thêm vào một hướng dẫn tra cứu từ ngữ (20%). Hơn thế nữa, trên 80% GV cho rằng học liệu này có thể giúp nâng cao vốn từ vựng chỉ cảm xúc và tự tin hỗ trợ HS dùng từ, viết câu có chứa cảm xúc phù hợp. Ngoài ra, khoảng 50% thầy, cô cũng nhận thấy việc nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, dạy học phân hóa, phát huy tối đa năng lực HS. Trên 80% GV đều cho rằng bộ học liệu này đó là giúp mở rộng vốn từ vựng chỉ cảm xúc, sử dụng từ linh hoạt, tránh lạm dụng văn mẫu và trau dồi được khả năng lựa chọn từ. Tuy nhiên, trong thực tế, sẽ có những rào cản nhất định như khả năng hỗ trợ và

cơ sở vật chất của nhà trường tại một số địa phương (80%). Quy định của nhà trường, năng lực chuyên môn và công nghệ thông tin của GV trong quá trình sử dụng cũng là một rào cản cần suy xét khi sử dụng bộ học liệu này.

Kết quả và những thảo luận từ kết quả khảo sát là cơ sở thực tiễn để chúng tôi xây dựng TTV chỉ cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết VMT cho HS lớp Bốn, Năm.

2.3. Quá trình xây dựng trường từ vựng chỉ cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết văn miêu tả cho học sinh lớp Bốn, Năm

2.3.1. Mục đích xây dựng

Cung cấp cho GV và HS một học liệu số kèm hướng dẫn sử dụng về TTV chỉ cảm xúc nhằm hỗ trợ quá trình dạy học viết VMT cho HS lớp Bốn, Năm. Đề xuất cách thức xây dựng TTV chỉ cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết VMT cho HS lớp Bốn, Năm.

2.3.2. Các nguyên tắc xây dựng

Dựa vào các nguyên tắc thiết kế TTV của các tác giả trước đây (Nguyễn Thị Xuân Yến và Nguyễn Trần Hoài Thảo, 2023), bám sát mục tiêu, đối tượng nghiên cứu, căn cứ cơ sở lý thuyết và cơ sở thực tiễn đã nghiên cứu, chúng tôi đề xuất các nguyên tắc xây dựng TTV chỉ cảm xúc như sau:

(1) Đảm bảo mục tiêu viết VMT: Xây dựng bộ học liệu số cần đảm bảo yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết của HS lớp Bốn, Năm trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018. Chính vì thế, việc hiểu được nghĩa sẽ giúp HS sử dụng một cách phù hợp nhất với ngữ cảnh cũng như việc thể hiện cảm xúc.

(2) Đảm bảo tính hệ thống, khoa học về trường nghĩa: TTV chỉ cảm xúc bao gồm các từ ngữ chỉ cảm xúc có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong cùng một trường nghĩa. Vì thế, tính hệ thống giúp từ vựng được sắp xếp khoa học và dễ dàng tra cứu, phân loại, hiểu sâu hơn về sắc thái ý nghĩa và cách sử dụng.

(3) Đảm bảo tính vừa sức, phù hợp, khả thi: Nội dung của hệ thống từ vựng cần được xây dựng phù hợp với yêu cầu cần đạt đã đề ra và năng lực của HS lớp Bốn, Năm. Các từ ngữ được chọn lọc phải đảm bảo gần gũi với trải nghiệm cảm xúc của HS, gắn liền với thực tế và HS dễ dàng áp dụng vào bài viết.

(4) Đảm bảo tính kế thừa và phát triển: Hệ thống TTV cần đảm bảo sự tiếp nối từ những kiến thức đã có của HS các cấp dưới và mở rộng để phù hợp hơn với HS lớp Bốn, Năm. Việc kế thừa giúp HS dễ dàng tiếp cận kiến thức mới, rèn luyện tư duy ngôn ngữ, hỗ trợ hiệu quả trong quá trình dạy học viết VMT.

(5) Đảm bảo tính sự phạm: Thể hiện qua hình thức học liệu thu hút, hình ảnh phù hợp. Hệ thống từ vựng phải chặt chẽ phù hợp với tâm - sinh lý của HS lớp Bốn, Năm, dễ dàng tiếp cận và đưa vào hỗ trợ quy trình viết VMT. Bên cạnh đó, học liệu cần đảm bảo đúng quy tắc chính tả và quy định của các văn bản.

2.3.3. Quá trình xây dựng

Quá trình thiết kế TTV chỉ cảm xúc dạng học liệu số được thực hiện theo các giai đoạn của mô hình ADDIE (Kurt, 2017) và các nguyên tắc đã nêu trên, cụ thể:

Giai đoạn 1 - Phân tích đối tượng học và chương trình, xác định các mục tiêu

Bao gồm: (1) Phân tích đặc điểm HS: bao gồm các đặc điểm về ngôn ngữ của HS lớp Bốn, Năm với việc sử dụng từ. (2) Nghiên cứu CTGDPT môn Ngữ văn 2018, ở cấp lớp này, HS được yêu cầu miêu tả các đối tượng quen thuộc và gần gũi, nhằm phát triển kỹ năng quan sát và diễn đạt. Các chủ đề miêu tả bao gồm việc miêu tả người; con vật mà em yêu quý. Bên cạnh đó, HS cũng cần miêu tả phong cảnh xung quanh hay cây cối cây cho bóng mát, cây ăn quả. Thông qua miêu tả, HS phải thể hiện được tình cảm của bản thân về đối tượng đó; (3) Xác định mục tiêu phù hợp với từng yêu cầu và các đối tượng miêu tả.

Giai đoạn 2 - Thiết kế cấu trúc

Bao gồm:

(1) Xác lập TTV theo các loại cảm xúc: Theo CTGDPT môn Ngữ văn 2018, nhóm chúng tôi xác định sẽ xác lập các hệ thống từ vựng dựa trên các đối tượng miêu tả trong phạm vi lớp Bốn, Năm (gồm con người, đồ vật, cảnh, con vật) và 06 loại cảm xúc cơ bản phổ biến qua góc nhìn tâm lý học của Eckman (1992) và thuyết “bánh xe cảm xúc” với cách thức vận hành như thuyết “bánh xe màu sắc” của Robert Plutchik hay của Geneva (GEW) (Warpechowski et al., 2019).

Ví dụ, chúng tôi đã lựa chọn 05 trên 06 loại cảm xúc cơ bản theo Paul Eckman, bao gồm: sự hạnh phúc, sự buồn chán, sự ngạc nhiên, sự giận dữ, sự sợ hãi. Sau đó, phát triển các TTV chỉ cảm xúc dựa trên các cấp độ cảm xúc khác nhau. Chẳng hạn như, từ cảm xúc “buồn”, nhóm đã phát triển tăng dần theo cấp độ cảm xúc như: buồn, buồn bã, u sầu, chán nản, thất vọng, tuyệt vọng, ...

(2) Chọn từ trong từ điển: Chúng tôi chọn lọc những từ ngữ chỉ cảm xúc phù hợp cho các đối tượng miêu tả trong Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê và cộng sự, 2006), Bộ sách Từ điển cảm xúc thể giới (Nhóm của Chuyện, 2019), quyển sách Khi tờ lên 9 - Từ điển cảm xúc (Woo, 2022) và một số trang web từ điển tiếng Việt.

Ví dụ HS có thể lồng ghép tình cảm của mình vào đối tượng miêu tả như: yêu mến, vui vẻ, vui sướng, ...

(3) Giải thích nghĩa của từ: Chúng tôi giải thích nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh. Một số từ được giải thích theo từ điển. Ngoài ra, một số từ được chúng tôi diễn đạt lại sao cho đúng nghĩa từ và phù hợp năng lực nhận thức của HS.

Ví dụ từ “vui sướng” theo từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê và cộng sự, 2006) được giải nghĩa là *vui vẻ và sung sướng*. Thế nên, trong quá trình xây dựng, chúng tôi diễn đạt lại như sau “Thể hiện niềm vui và thích thú vì thỏa mãn, hài lòng khi đạt được điều mong muốn hoặc trải qua một trải nghiệm tốt đẹp”

(4) Tìm ví dụ minh họa cho từ: Chúng tôi tìm cách lựa chọn và đặt từ trong ngữ cảnh cụ thể để HS có thể hiểu sâu về nghĩa của từ, cũng như cách áp dụng từ ngữ vào việc viết văn và giao tiếp. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn chú trọng việc xây dựng các câu văn mang tính nghệ thuật. Điều này không chỉ giúp HS thêm hứng thú khi đọc mà còn giúp các em dễ dàng thực hành và nắm vững cách sử dụng từ ngữ trong câu, trong đoạn văn.

Đối với từ “bồi hồi” có thể đưa câu ví dụ sau: “Khi mùa hè đến, những cơn gió mang theo hương thơm của hoa trái lan tỏa khắp khu vườn, làm lòng em bồi hồi nhớ đến những mùa cây sai trĩu quả ở vườn cây của ông ngoại.”

Giai đoạn 3 - Tiến hành tạo ngữ liệu

Bao gồm: (1) Tìm kiếm và lựa chọn phần mềm để xây dựng từ điển, cùng các công cụ, phương tiện hỗ trợ; (2) Lựa chọn hình thức của từ điển dạng học liệu số có thể lật trang; (3) Xác lập bố cục tổng thể của từ điển; (4) Sắp xếp: 6 TTV trong từ điển đều được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Trong mỗi trường, các từ đều được sắp xếp theo mức độ tăng dần của cảm xúc và theo thứ tự bảng chữ cái; (5) Trang trí: Dựa vào ưu thế của từ điển học liệu số, cuốn từ điển được trang trí bằng nhiều màu sắc và hình ảnh minh họa cho từ ngữ. Đồng thời, đảm bảo kênh hình và kênh chữ hài hòa, bố cục tổng thể cân đối.

Giai đoạn 4 - Thử nghiệm: GV sử dụng từ điển TTV chỉ cảm xúc vào một vài tiết dạy; gửi từ điển TTV đến HS để HS sử dụng và khuyến khích HS tự đọc thêm.

Giai đoạn 5 - Thống kê và đánh giá quá trình HS sử dụng từ điển TTV: Thu thập kết quả, phản hồi từ HS và quá trình dạy học để đánh giá tính hiệu quả, khả thi của từ điển TTV trong việc áp dụng vào dạy học cho HS lớp Bốn, Năm. Từ đó rút ra bài học sư phạm và điều chỉnh. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được demo một trang web trên Book Creator dưới dạng một quyển từ điển về TTV chỉ cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết VMT cho HS lớp Bốn, Năm.

Để làm rõ quy trình thiết kế, sau đây chúng tôi xin dẫn một ví dụ về TTV “hạnh phúc”:



Các TTV chỉ cảm xúc chính



Một số từ vựng trong TTV “Hạnh phúc”



Các đối tượng miêu tả



Minh họa cụ thể trong TTV “Hạnh phúc”

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã chỉ ra quá trình xây dựng TTV chỉ cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết VMT cho HS lớp Bốn, Năm. Quá trình nghiên cứu cho thấy việc phát triển và làm giàu vốn từ vựng về cảm xúc là yếu tố quan trọng giúp HS viết những bài VMT sinh động, sáng tạo và giàu cảm xúc, mang màu sắc cá nhân. Xây dựng TTV cần xác định mục tiêu, nguyên tắc, quy trình rõ ràng, đồng thời thực hiện việc chọn lọc từ vựng từ các nguồn tài liệu ngữ nghĩa, diễn giải lại để hiểu và phù hợp với từng lớp học. Từ những kết quả đạt được, chúng tôi đề xuất tiếp tục nghiên cứu và phát triển TTV cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết VMT, đặc biệt cần chú trọng vào việc đào tạo, bồi dưỡng GV để họ có thể ứng dụng hiệu quả TTV trong giảng dạy. Việc kết hợp phương pháp dạy học linh hoạt

với sự chủ động của HS trong việc tìm hiểu và phát triển TTV sẽ giúp các em nâng cao kỹ năng sử dụng từ ngữ, đồng thời khuyến khích sự sáng tạo trong việc viết văn. Ngoài ra, các cấp quản lý giáo dục cần tạo điều kiện thuận lợi để GV có thể tiếp cận các tài liệu dạy học mới và bồi dưỡng chuyên môn về TTV, từ đó hỗ trợ HS đạt được hiệu quả cao nhất trong việc học tập và phát triển kỹ năng viết VMT.

Tài liệu tham khảo

- Berger, K. S. (1986). *The Developing Person Through Childhood and Adolescence*, 2nd edition. New York, Worth.
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 về quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục*.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Đỗ Hữu Châu (2005). *Tuyển tập (tập 1: Từ vựng - Ngữ nghĩa)*. NXB Giáo dục.
- Ekman, P. (1992). An argument for basic emotions. *Cognition & Emotion*, 6(3-4), 169-200.
- Hoàng Phê (chủ biên, 2006). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Hoàng Thị Tuyết (2016). *Lí luận dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học (phần 1)*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Huỳnh Thị Hoàng Oanh (2013). *Ảnh hưởng của khả năng ngôn ngữ lên việc giải bài toán có lời văn của học sinh lớp 4*. Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- James, W. (1884). What is an emotion? *Mind*, 9(34), 188-205. <https://doi.org/10.1093/mind/os-IX.34.188>
- Kurt, S. (2017). *ADDIE model: Instructional design*. Educational Technology. <https://educationaltechnology.net/the-addie-model-instructional-design/>
- Lange, C. (1885). *The emotions* (Original work published in 1885).
- Lê Ngọc Bảo Trâm (2011). *Tự nhận thức bản thân của học sinh lớp 4, 5 tại Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Phương Nga (2013). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II*. NXB Đại học Sư phạm.
- Ngô Minh Nguyệt (2021). Đòi nét về đặc điểm trường từ vựng âm thực trong tiếng Hán và tiếng Việt. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, 37(2), 87-93.
- Nguyễn Thị Hiền, Trần Thị Hải Thu (2019). Dạy học văn miêu tả con vật theo hướng phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 4 Trường Tiểu học Thực hành. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hải Phòng*, 35, 23-29.
- Nguyễn Thị Ly Kha (chủ biên), Nguyễn Hải Lê (2018). *Sổ tay Tiếng Việt tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Xuân Yên, Nguyễn Ngọc Diệu Hiền (2022). Cách thức xây dựng trường từ vựng hỗ trợ dạy học viết văn tả người cho học sinh lớp Năm. *Tạp chí Giáo dục*, 22(20), 1-5.
- Nguyễn Thị Xuân Yên, Nguyễn Trần Hoài Thảo (2023). Cách thức xây dựng trường từ vựng hỗ trợ dạy học viết văn tả cảnh cho học sinh lớp 5. *Tạp chí Giáo dục*, 23(số đặc biệt 8), 50-56.
- Nhóm của Chuyện (2019). *Từ điển cảm xúc thế giới*. NXB Kim Đồng.
- Trần Thị Hiền Lương, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đặng Thị Lê Tâm (2023). Yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết trong môn Tiếng Việt và định hướng xây dựng Chuẩn đánh giá năng lực học sinh qua kỹ năng viết. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(S3), 85-90.
- Valley, K. (1997). Learning styles and courseware design. *Research in Learning Technology*, 5(2), 42-51.
- Võ Sỹ Lợi (2014). *Giáo trình Tâm lý học II*. NXB Đà Lạt.
- Vũ Dũng (chủ biên). *Từ điển Tâm lý học*. NXB Khoa học xã hội.
- Warpechowski, K., Orzeszek, D., & Nielek, R. (2019, September). Tagging emotions using a wheel user interface. In *Proceedings of the 13th Biannual Conference of the Italian SIGCHI Chapter: Designing the next interaction* (pp. 1-5).
- Woo, P.S. (2022). *Khi tờ lên 9 - Từ điển cảm xúc* (Huyền Lê dịch). NXB Hà Nội.